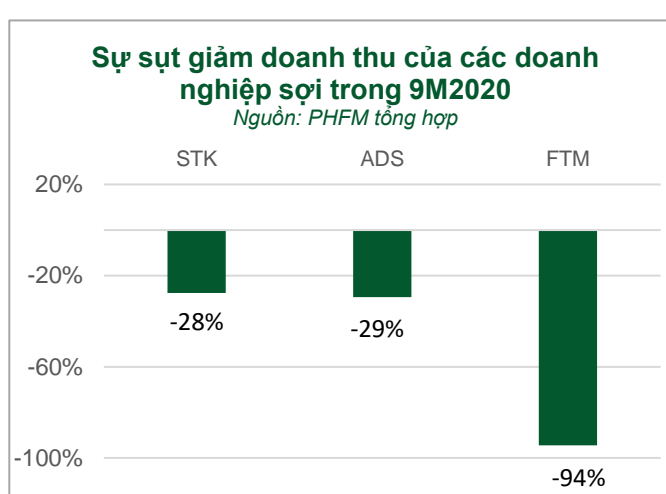
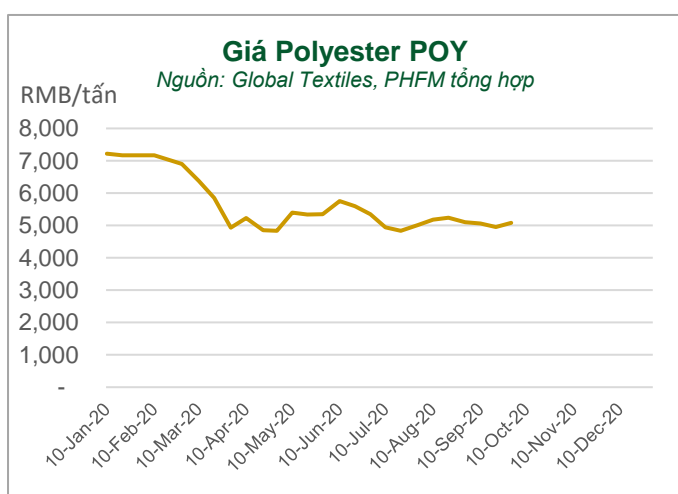
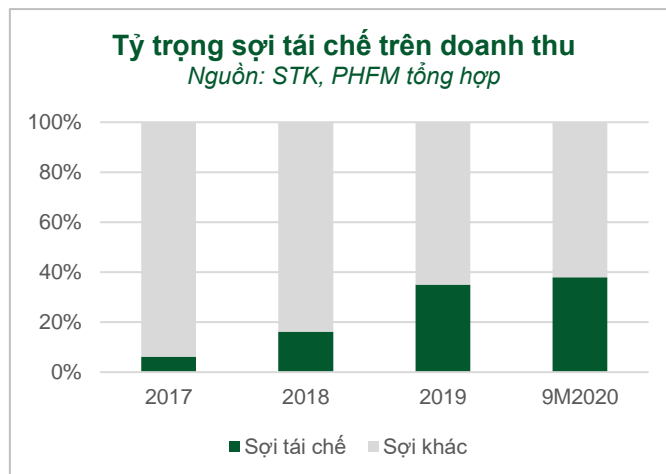
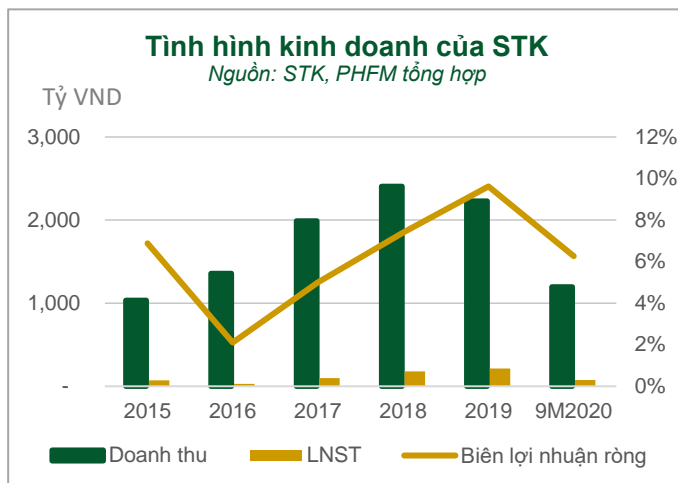


Mảng sợi tái chế ít bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 hơn mảng sợi thường



Dưới tác động của dịch Covid-19, kết quả kinh doanh 9M2020 của STK bị ảnh hưởng nghiêm trọng do tình hình nhận đơn hàng ảm đạm vì nhu cầu dệt may trong nước và thế giới giảm mạnh. Lũy kế 9M2020, doanh thu thuần đạt 1,197 tỷ đồng (-27.6% YoY), hoàn thành 66.5% kế hoạch doanh thu năm 2020. LNST đạt 75 tỷ đồng (-53.5 % YoY) và hoàn thành 58% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Tuy chứng kiến tình hình doanh thu không khả quan nhưng STK có mức sụt giảm doanh thu thấp hơn mức trung bình -50% YoY của các doanh nghiệp sợi niêm yết khác.

Bên cạnh nhu cầu sợi ảm đạm thì giá sợi giảm đã ăn mòn biên lợi nhuận. Theo Global Textiles, giá sợi Polyester POY vào cuối tháng 9/2020 đã giảm 28% so với cuối năm 2019. Kết thúc 9M2020, biên lãi gộp đạt 13%, giảm 260 bps so với mức 15.6% trong 9M2019 với lợi nhuận gộp giảm 39.8% YoY còn 155 tỷ đồng.

Hơn nữa, STK cũng cho biết để hạn chế hàng tồn kho trong bối cảnh nhu cầu yếu, Công ty đã tạm thời giảm hệ số khai thác công suất máy móc, nhưng vẫn hạch toán đầy đủ chi phí sản xuất cố định vào giá vốn hàng bán. Điều này đã ảnh hưởng đến biên lợi nhuận gộp của công ty.

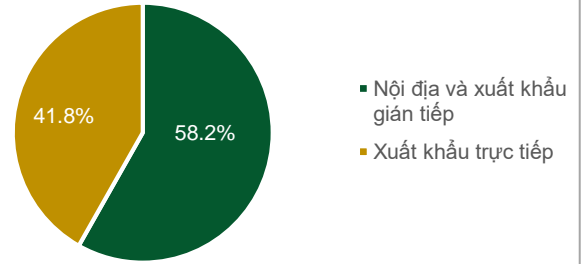
Mảng kinh doanh sợi tái chế ít bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 hơn mảng sợi thường. Doanh thu sợi tái chế giảm 14.1% YoY đạt khoảng 454 tỷ đồng, trong khi doanh thu sợi thường giảm mạnh hơn ở mức -34% YoY đạt khoảng 742 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu (62%).

STK đã gia tăng tỷ trọng sợi tái chế từ 35% vào cuối năm 2019 lên 38% trong 9M2020. Kỳ vọng mảng sợi tái chế sẽ dần dần chiếm tỷ trọng cao hơn trong cơ cấu doanh thu, phù hợp với chiến lược của công ty và theo xu hướng ngành thời trang thế giới.

Giãn cách xã hội và đóng cửa biên giới vào tháng 4 và tháng 5 đã gây ra áp lực lên hoạt động xuất nhập khẩu của nhiều doanh nghiệp góp phần làm cho cơ cấu doanh thu nghiêng về nội địa và xuất khẩu gián tiếp. Cụ thể, kết thúc 9M2020, doanh thu nội địa và xuất khẩu gián tiếp chiếm 58.2% tổng doanh thu, đạt khoảng 696 tỷ đồng, trong khi doanh thu xuất khẩu trực tiếp chiếm tỷ trọng nhỏ hơn, 41.8%, đạt khoảng 500 tỷ đồng. Trong tương lai, nhằm đáp ứng các quy tắc xuất xứ của CPTPP và hưởng lợi từ các định hướng phát triển chuỗi cung ứng dệt may của Nhà nước, các doanh nghiệp dệt may trong nước sẽ ưu tiên sử dụng sợi sản xuất nội địa, dự kiến doanh thu nội địa và xuất khẩu gián tiếp sẽ chiếm tỷ trọng cao hơn trong tương lai.

Cơ cấu doanh thu theo thị trường của STK 9M2020

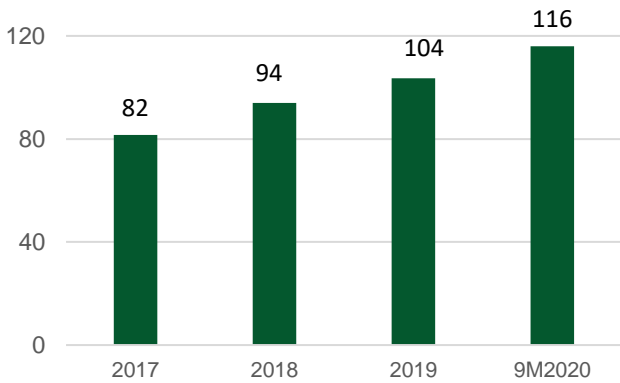
Nguồn: STK, PHFM tổng hợp



Gánh nặng hàng tồn kho và rủi ro thanh khoản gia tăng

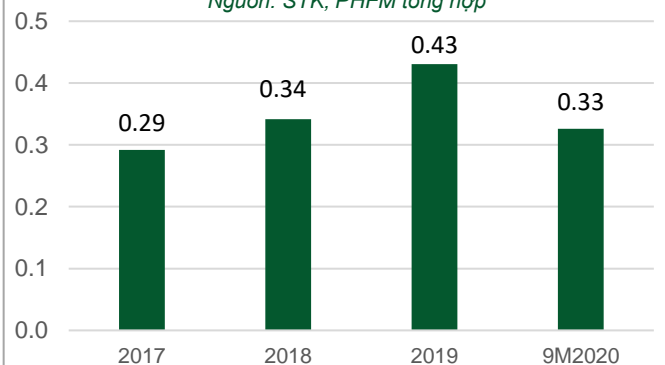
Số ngày tồn kho trong 9M2020

Nguồn: STK, PHFM tổng hợp



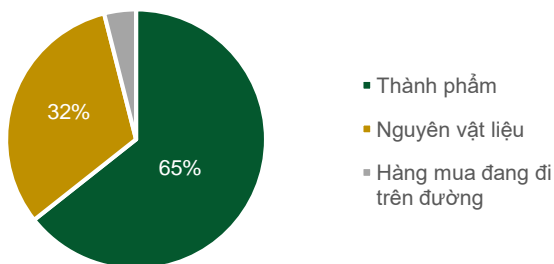
Hệ số thanh toán nhanh của STK qua các năm

Nguồn: STK, PHFM tổng hợp



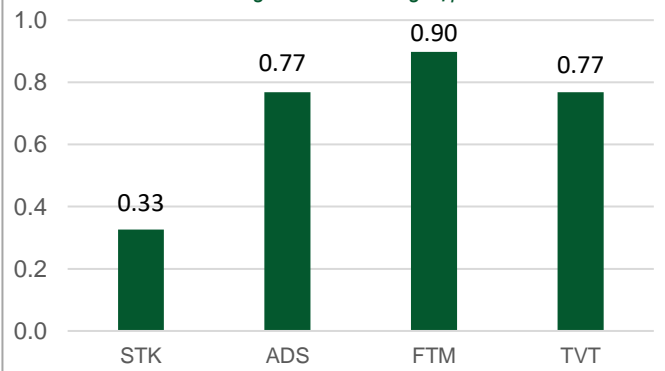
Cơ cấu hàng tồn kho của STK 9M2020

Nguồn: STK, PHFM tổng hợp



Hệ số thanh toán nhanh của các doanh nghiệp sợi

Nguồn: PHFM tổng hợp



Doanh số ảm đạm là nguyên nhân chính làm gia tăng số ngày hàng tồn kho. Số ngày hàng tồn kho gia tăng gây áp lực đến thanh khoản. Số ngày hàng tồn kho tăng 12% so với cuối năm 2019 lên 116 ngày vào cuối 9M2020, trong khi chỉ số thanh toán nhanh của doanh nghiệp thể hiện sự sụt giảm 33% YoY còn 0.33x. Hơn nữa, thanh khoản của STK đang ở mức thấp hơn so với ngành, cụ thể hệ số thanh toán nhanh của STK thấp hơn mức trung bình ngành là 0.69x.

Kết thúc 9M2020, hàng tồn kho giảm 16% so với cuối năm 2019. Trong đó, thành phẩm chiếm 65%, đạt 293 tỷ đồng (-9% so với cuối năm 2019), nguyên vật liệu chiếm 32%, đạt 143 tỷ đồng (-20% YoY), hàng mua đang đi trên đường giảm 55% so với cuối năm 2019, còn 17 tỷ đồng, chiếm 4%.

Dự phóng KQKD năm 2020

Kết quả sản xuất và xuất khẩu dệt may kém khả quan trong 10 tháng đầu năm 2020, đang chứng kiến những bước phục hồi đầu tiên. Báo cáo tình hình sản xuất, thương mại 10 tháng đầu năm của Bộ Công Thương cho biết tính chung 10 tháng, vải dệt từ sợi tự nhiên ước đạt 548.8 triệu m², tăng 4.7%; sản xuất vải dệt từ sợi tổng hợp và sợi nhân tạo ước đạt 782.7 triệu m², giảm 10.6%; quần áo mặc thường ước đạt 3,639.2 triệu cái, giảm 6.1% YoY. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc 10 tháng ước đạt 24.76 tỷ USD, giảm 9.3% YoY. Tuy nhiên, trong tháng 9, sản xuất dệt tăng 2% YoY; sản xuất trang phục tăng 13.7% YoY, đánh dấu bước phục hồi đầu tiên của ngành dệt may Việt Nam.

Theo thông lệ hàng năm, thời điểm hiện tại các doanh nghiệp đều có đơn hàng đến cuối năm và thậm chí nửa đầu năm sau. Tuy nhiên, do dịch COVID-19, nhu cầu tiêu dùng chững lại khi người tiêu dùng trên thế giới chỉ quan tâm đến đồ dùng thiết yếu và phòng chống dịch bệnh, nhiều doanh nghiệp dệt may đã chuyển đổi từ các mặt hàng truyền thống như veston cao cấp, sơ mi cao cấp, sang các mặt hàng có tính chuyển đổi nhanh như đồ bảo hộ lao động, hàng dệt kim và sơ mi truyền thống để duy trì hoạt động. Do đó, trong cuối năm 2020 và thậm chí trong nửa Quý I/2021, doanh nghiệp dệt may có thể sẽ vẫn đối mặt với tình trạng thiếu đơn hàng. Dự kiến từ quý III/2021, nhu cầu dệt may mới có thể hồi phục lại mức bình thường.

Tổng cầu dệt may thế giới năm 2020 ước tính sẽ giảm 15-20% so với 2019, đạt khoảng 600-640 tỷ USD. Do nhu cầu ngành sợi sẽ bị ảnh hưởng bởi sự sụt giảm nhu cầu dệt may. Chúng tôi dự phóng doanh thu năm 2020 của STK đạt 1,698 tỷ đồng (-23.8% YoY), đạt 94.4% kế hoạch doanh thu năm 2020; LNST ước đạt 114 tỷ đồng (-46.9% YoY), hoàn thành 87% kế hoạch lợi nhuận năm 2020. Dự phóng doanh thu dựa trên doanh thu từ:

- Sợi tái chế: Chúng tôi ước tính doanh thu sợi tái chế vào năm 2020 sẽ giảm 16.0% YoY, đạt 655 tỷ đồng.
- Sợi thường: Chúng tôi ước tính doanh thu sợi thường vào năm 2020 đạt 1,043 tỷ đồng (-28% YoY).

Tuy nhiên, trong dài hạn, chúng tôi kỳ vọng vào sự phục hồi nhanh chóng của STK do:

- Chiến lược phát triển sợi tái chế tạo động lực tăng trưởng dài hạn.** Xu hướng các nhãn hàng thời trang lớn đang chuyển dịch sang sản xuất các sản phẩm dệt may thân thiện với môi trường với những tính năng nổi trội đã tạo ra nhu cầu ngày càng cao cho sản phẩm sợi tái chế. Nắm bắt được xu hướng ngành, STK đặt kế hoạch gia tăng tỷ trọng sợi tái chế đồng thời giảm tỷ trọng sợi nguyên sinh khi biên lợi nhuận mảng sợi nguyên sinh ngày càng thu hẹp. STK kỳ vọng sẽ gia tăng tỷ trọng sợi tái chế lên 100% doanh thu vào năm 2025, tạo động lực tăng trưởng cho Công ty.
- Dự án liên minh Sợi – Dệt – Nhuộm gia tăng cơ hội hưởng lợi gián tiếp từ CPTPP:** CPTPP yêu cầu các công đoạn từ sợi trở đi phải được thực hiện ở các nước thành viên CPTPP. Do đó, để hưởng lợi từ CPTPP, các doanh nghiệp may và dệt nhuộm sẽ ưu tiên sợi sản xuất trong nước. Hơn nữa, với chủ trương phát triển chuỗi cung ứng dệt nhuộm may nội địa của nhà nước, do đó, nhu cầu sợi nội địa có tiềm năng gia tăng trong tương lai.

Chi tiết định giá và khuyến nghị:

Bằng phương pháp định giá DCF và EV/EBITDA, mức giá hợp lý dành cho cổ phiếu STK khoảng **23,500 đồng/cổ phiếu** (+19% so với giá hiện tại). Từ đó đưa ra khuyến nghị **MUA** cho cổ phiếu này cho mục tiêu dài hạn.

Phương pháp DCF

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q4 2020F	2021F	2022F	2023F	2024F	2025F
Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT)	56	175	197	222	242	250
Lợi nhuận hoạt động ròng sau thuế	46	149	167	188	205	212
Khấu hao	9	90	99	103	109	123
WC	(9)	(32)	(30)	(23)	(21)	(18)
CAPEX	(7)	(99)	(105)	(115)	(123)	(127)
FCFF	39	107	130	154	171	191
Giá trị hiện tại của FCFF (WACC 8.2%)	38	97	109	119	122	126
Giá trị hiện tại của cuối cùng (0.1% g)	1,551					
Nợ ròng	(463)					
Giá trị vốn cổ phần	1,700					
SLCP	70,726,944					
Giá hợp lý (VND/cp)	24,036					

Phương pháp EV/EBITDA

NTM EBITDA	264
EV/EBITDA ngành	7.5x
EV	1,988
Nợ ròng	(463)
Giá trị vốn cổ phần	1,525
SLCP	70,726,944
Giá mục tiêu	21,570

	DCF	EV/EBITDA	Giá mục tiêu
Giá mục tiêu (VNĐ/CP)	24,036	21,570	23,500 VNĐ/CP
Tỷ trọng	80%	20%	

Rủi ro:

(1) Rủi ro từ dịch Covid-19

Trong năm 2020, thời điểm bùng nổ của dịch Covid-19 đang diễn ra vào đúng giai đoạn chu kỳ kinh tế toàn cầu dễ bị tổn thương. Hiện nay, sự phục hồi của các nền kinh tế và nhu cầu dệt may toàn cầu kém lạc quan và không chắc chắn là rủi ro sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(2) Rủi ro nguồn nguyên liệu

Là doanh nghiệp xuất khẩu nhưng STK phải nhập khẩu phần lớn nguyên liệu. STK cũng cho biết Công ty chỉ mua nguyên liệu trước 1 tháng cho kế hoạch đơn hàng tháng sau. Hơn nữa, do 100% nguồn hạt chip tái chế để sản xuất sợi tái chế đều phụ thuộc vào Unifi, sẽ hạn chế khả năng thương lượng giá của STK, khiến Công ty khó chủ động biên lợi nhuận trong mảng sợi tái chế.

(3) Rủi ro chi phí tăng cao

Năm 2020, STK phối hợp cùng các doanh nghiệp sợi trong nước khởi kiện phía Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia và Indonesia bán phá giá vào Việt Nam. Chi phí pháp lý liên quan đến vụ việc trên sẽ làm gia tăng chi phí của doanh nghiệp trong bối cảnh đầu ra cho xuất khẩu còn nhiều khó khăn sẽ gây áp lực đến biên lợi nhuận trong năm nay.

(4) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Với hơn 43% doanh thu là xuất khẩu, STK đối mặt với rủi ro biến động tỷ giá hối đoái, chủ yếu là KRW, JPY, BAHT tại các thị trường xuất khẩu chính là Hàn Quốc, Nhật Bản, và Thái Lan.

(5) Rủi ro thanh khoản

Sơ lược công ty

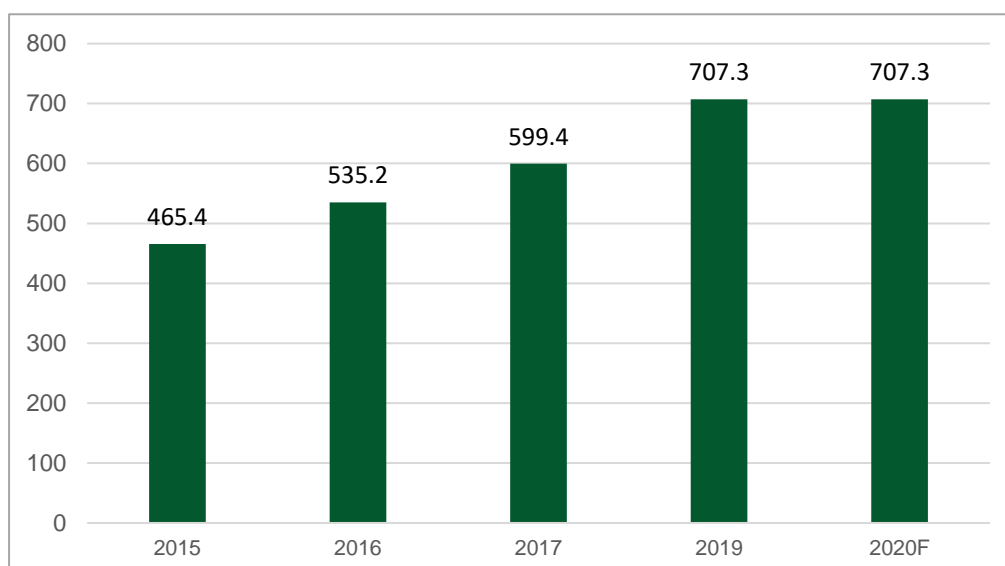
Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ được thành lập năm 2000. Hoạt động sản xuất chính của công ty là sản xuất sợi tơ tổng hợp, dệt kim. Công ty hiện đang cung cấp các sản phẩm: sợi POY, sợi DTY và sợi FDY. Sản phẩm của công ty được xuất khẩu chủ yếu sang châu Âu (Thổ Nhĩ Kỳ) và châu Á. Công ty cũng là nhà cung cấp cho các doanh nghiệp dệt may như Nike, Adidas, Uniqlo và Puma. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2004. Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015.

2004: Công ty tiến hành cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng.

2015: Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE);



Quá trình tăng vốn (tỷ VNĐ)



Nguồn: STK, PHFM tổng hợp

Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020E	2021E
Doanh thu thuần	1,035	1,358	1,989	2,408	2,229	1,698	1,829
Giá vốn hàng bán	(848)	(1,230)	(1,772)	(2,073)	(1,875)	(1,469)	(1,578)
Lợi nhuận gộp	187	129	217	335	354	229	251
Chi phí bán hàng	(24)	(25)	(32)	(34)	(27)	(26)	(26)
Chi phí QLDN	(38)	(45)	(59)	(56)	(58)	(48)	(49)
Lợi nhuận từ HĐKD	125	58	126	245	269	156	175
Lợi nhuận tài chính	(39)	(29)	(22)	(42)	(21)	(22)	(27)
Chi phí lãi vay	(5)	(16)	(27)	(29)	(31)	(25)	(27)
Lợi nhuận trước thuế	87	31	105	199	253	134	149
Lợi nhuận sau thuế	71	29	100	178	214	114	127
LNST của cổ đông Công ty mẹ	71	29	100	178	214	114	127
Cân đối kế toán	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020E	2021E
Tài Sản Ngắn Hạn	467	594	613	804	880	870	938
Tiền và tương đương tiền	7	87	117	153	150	114	123
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	45	80	61	66
Phải thu ngắn hạn	74	85	63	65	98	106	114
Hàng tồn kho	356	402	399	510	525	498	535
Tài sản ngắn hạn khác	30	20	34	31	26	91	99
Tài Sản Dài Hạn	1,252	1,431	1,365	1,315	1,192	1,219	1,230
Phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	607	1,350	1,208	1,179	1,048	946	956
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	563	1	2	2	1	1	1
Đầu tư tài chính dài hạn	40	40	27	2	2	18	20
Tài sản dài hạn khác	42	40	129	133	141	253	253
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng tài sản	1,719	2,025	1,979	2,119	2,071	2,089	2,168
Nợ phải trả	1,029	1,329	1,200	1,210	988	998	1,056
Nợ ngắn hạn	401	678	732	862	824	834	892
Nợ dài hạn	628	652	468	348	164	164	164
Vốn chủ sở hữu	690	695	779	909	1,083	1,091	1,111
Vốn góp	465	535	599	599	707	707	707
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	1,719	2,024	1,979	2,119	2,071	2,089	2,168

Lưu chuyển tiền tệ	2015A	2016A	2017A	2018A	2019E	2020E	2021E
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	(95)	202	306	248	171	173	182
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(539)	(296)	(27)	(113)	(35)	(7)	(99)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	492	173	(249)	(99)	(139)	(202)	(74)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(142)	80	30	36	(3)	(36)	9
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	148	7	87	117	153	150	114
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	7	87	117	153	150	114	123
Chỉ số tài chính (%)	2015A	2016A	2017A	2018A	2019E	2020E	2021E
Tăng trưởng							
Doanh thu	-29.0%	31.2%	46.4%	21.0%	-7.4%	-23.8%	7.7%
Lợi nhuận sau thuế	-32.8%	-59.9%	248.3%	79.0%	20.2%	-46.9%	11.1%
Tổng tài sản	38.1%	17.8%	-2.3%	7.1%	-2.3%	0.9%	3.8%
Tổng vốn chủ sở hữu	2.2%	0.8%	12.0%	16.7%	19.1%	0.7%	1.9%
Khả năng sinh lời							
Tỷ suất lãi gộp	18.1%	9.5%	10.9%	13.9%	15.9%	13.5%	13.7%
Tỷ suất EBIT	12.1%	4.3%	6.3%	10.2%	12.1%	9.2%	9.6%
Tỷ suất lãi ròng	6.9%	2.1%	5.0%	7.4%	9.6%	6.7%	6.9%
ROA	4.1%	1.4%	5.0%	8.4%	10.4%	5.5%	5.8%
ROE	10.3%	4.1%	12.8%	19.6%	19.8%	10.4%	11.4%
Hiệu quả hoạt động							
Số ngày phải thu	26	22	11	10	16	23	23
Số ngày tồn kho	152	118	82	94	104	122	122
Số ngày phải trả	62	71	63	54	44	40	39
Khả năng thanh toán							
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.16	0.88	0.84	0.93	1.07	1.04	1.05
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.28	0.28	0.29	0.34	0.43	0.45	0.45
Cấu trúc tài chính							
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.60	0.66	0.61	0.57	0.48	0.48	0.49
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.49	1.91	1.54	1.33	0.91	0.91	0.95
Vay ngắn hạn/VCSH	0.58	0.97	0.94	0.95	0.76	0.76	0.80
Vay dài hạn/VCSH	0.91	0.94	0.60	0.38	0.15	0.15	0.15

Nguồn: PHFM

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Nguyễn Thị Thảo Vy, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801